BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN - TRỊ KINH DOANH
Số: 305 /TB-ĐHTCQTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

Về thu tiền học phí học kỳ II năm học 2020-2021 của sinh viên lớp LT7A

1. Sinh viên lớp LT7A nộp tiền học phí học kỳ II (2020-2021) vào tài khoản của nhà trường theo nội dung sau:

Tên đơn vị nhận tiền: Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Số TK: 2405201004595

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Văn Lâm Hưng Yên II.

Khi nộp tiền sinh viên ghi rõ: <Họ tên sinh viên>, <Lớp>, nộp học phí học kì II(2020-2021), <mã sinh viên> tại dòng nội dung.

2. Thời gian: Hạn cuối ngày 15/6/2021.

3. Số tiền nộp:

a. Học phí môn Bóng rổ: 284.000 đ/sinh viên.

a. Đối với những môn học ghép cùng lớp LT7B: 426.000 đ/tín chỉ.

4. Cố vấn học tập, Ban cán sự lớp LT7A thông báo cho sinh viên của lớp mình biết và thực hiện./.

Nơi nhận
- Lớp LT7A;
- Website;
- Lưu: VT, TCKT.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TP TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phạm Văn Hưng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH -QUẢN TRỊ KINH DOANH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY LTK7 NỘP HỌC PHÍ LẦN ĐẦU
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2020-2021

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên các HP	Tínchỉ	Số tiền/ 1 tín chỉ	Thành tiền	Ký nộp	Ký nhận	Ghi chú
1	730210001	Phạm Văn	Đạt	24-03-1992	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
2	730210002	Ngô Thị Thanh	Định	10-06-1990	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
3	730210031	Hoàng Thị	Dung	26-08-1988	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
4	730210039	Bùi Thị Thanh	Giang	18-05-1993	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
5	730210016	Nguyễn Thị	Hà	15-04-1990	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
6	730210015	Chu Thị Thúy	Hằng	03-06-1989	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
7	730210036	Lê Thị Mỹ	Hạnh	08-12-1981	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
8	730210011	Trần Thị	Hoa	04-09-1977	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
9	730210007	Trương Thị	Hòa	26-12-1993	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
10	730210017	Trần Thị	Huế	21-10-1990	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
11	730210019	Đỗ Văn	Hưng	17-12-1981	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
12	730210003	Nguyễn Thu	Hương	30-05-1995	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
13	730210027	Phạm Thị	Hương	05-03-1982	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
14	730210034	Trịnh Thị	Hương	24-03-1993	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
15	730210020	Nguyễn Thị	Huyền	20-10-1990	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
16	730210026	Trần Thị Ngọc	Huyền	20-05-1982	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
17	730210004	Đặng Thị Khánh	Linh	11-08-1994	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
18	730210005	Bùi Thị	Loan	28-11-1992	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
19	730210032	Nguyễn Thị	Loan	23-05-1990	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
20	730210006	Nguyễn Thị	Luân	20-01-1992	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
21	730210021	Nguyễn Thị	Luyến	04-01-1982	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
22	730210022	Phạm Thị Hoàng	Ngân	08-05-1982	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên các HP	Tínchỉ	Số tiền/ 1 tín chỉ	Thành tiền	Ký nộp	Ký nhận	Ghi chú
23	730210030	Thái Minh	Ngọc	09-12-1994	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
24	730210008	Đinh Thị Thúy	Nhàn	20-02-1985	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
25	730210040	Lê Thị	Nhu	10-08-1983	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
26	730210009	Nguyễn Thị	Phượng	18-04-1991	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
27	730210010	Hoàng Thị Thanh	Tâm	09-04-1992	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
28	730210037	Vũ Minh	Tân	12-02-1998	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
29	730210024	Hoàng Duy	Thái	21-12-1994	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
30	730210038	Đinh Thu	Thảo	23-03-1991	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
31	730210025	Nguyễn Thị Thu	Thủy	09-10-1989	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
32	730210029	Vũ Đình	Tình	20-10-1985	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
33	730210012	Lê Thị Huyền	Trang	29-01-1988	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
34	730210023	Vũ Thanh	Tùng	21-10-1991	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
35	730210035	Lê Thị	Tuyến	20-06-1994	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
36	730210013	Vũ Thị	Vẻ	25-05-1993	LT7A	Giáo dục thể chất _BR	1	284,000	284,000			
		Tổng số:					**36**		**10,224,000**			
		Bằng chữ:										

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Trưởng phòng TCKT

Phạm Văn Hưng

Trưởng phòng QLĐT

TS. Nguyễn Huy Cường

Người lập

Nguyễn Thị Lam Giang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH -QUẢN TRỊ KINH DOANH

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY LT7A NỘP HỌC PHÍ LẦN ĐẦU
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2020-2021 (Học ghép cùng LT7B)

TT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Tên các HP	Tínchỉ	Số tiền/ 1 tín chỉ	Thành tiền	Ký nộp	Ký nhận	Ghi chú
1	730210001	Phạm Văn	Đạt	24-03-1992	LT7A	PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
2	730210039	Bùi Thị Thanh	Giang	18-05-1993	LT7A	XSTK	3	426,000	1,278,000			
3	730210015	Chu Thị Thúy	Hằng	03-06-1989	LT7A	XSTK	3	426,000	1,278,000			
4	730210011	Trần Thị	Hoa	04-09-1977	LT7A	PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
5	730210017	Trần Thị	Huế	21-10-1990	LT7A	STVB	2	426,000	852,000			
6	730210027	Phạm Thị	Hương	05-03-1982	LT7A	XSTK	3	426,000	1,278,000			
						PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
7	730210034	Trịnh Thị	Hương	24-03-1993	LT7A	PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
8	730210026	Trần Thị Ngọc	Huyền	20-05-1982	LT7A	XSTK	3	426,000	1,278,000			
						PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
						STVB	2	426,000	852,000			
						AV1	3	426,000	1,278,000			
						AV2	3	426,000	1,278,000			
9	730210021	Nguyễn Thị	Luyến	04-01-1982	LT7A	PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
10	730210037	Vũ Minh	Tân	12-02-1998	LT7A	AV2	3	426,000	1,278,000			
11	730210012	Lê Thị Huyền	Trang	29-01-1988	LT7A	PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
12	730210035	Lê Thị	Tuyến	20-06-1994	LT7A	PTTCDN	3	426,000	1,278,000			
	Tổng số:						**49**		**20,874,000**			
	Bằng chữ:											

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Trưởng phòng TCKT

Trưởng phòng QLĐT

Người lập

Nguyễn Thị Lan Oanh